TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày 21-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phúc An Hoành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bân

Ông Nguyễn Tấn Ngợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Ma Ngọc Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông Ma Công Đằng, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

HOÀNG VĂN P, tên gọi khác: Không; sinh ngày 14 tháng 11 năm 1996 tại xã Y, huyện H (nay là huyện L), tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam;

Con ông Hoàng Văn S và bà Chúc Thị P; vợ, con: Năm 2015, sống chung như vợ chồng với chị Lý Thị L (không đăng kí kết hôn), hiện trú tại thôn Ngọc S, xã N, huyện V, tỉnh H (hiện tại P và chị L không còn chung sống với nhau), có 01 con, sinh năm 2015 (hiện ở cùng chị L); tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt.*

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Văn V, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang, *có mặt.*

Bị hại: Ông La Tài S, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Bàn Tiến Cương, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Nà xã A, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

- Ông Ma Công K, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

- Ông Đinh Xuân Đức, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

Người tham gia tố tụng khác (người làm chứng):

- Ông Hoàng Văn Sểnh, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

- Anh La Văn Lìu, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt.*

- Ông Triệu Tòn Hồng , sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt.*

- Bà Ma Thị Như, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn D, xã A, Huyện L, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 10/03/2018, Hoàng Văn P dắt trâu đi chăn thả khu vực rừng phòng hộ thôn Khuổi Piàng xã Y, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, P nhìn thấy đàn dê của gia đình ông La Tài S (đàn dê có 9 con) đang chăn thả khu vực rừng phòng hộ Bản Chang, xã Y, huyện L (giáp với khu vực Khuổi Piàng), P nảy sinh ý định trộm cắp đem bán lấy tiền tiêu sài. P dùng 02 đoạn dây nứa trước đó P dùng để buộc trâu, buộc vào cổ 02 con dê cái trong đàn dê gồm 01 con màu lông vàng nhạt, 01 con màu lông xám và dắt về nhà mình. Trên đường về P gọi cho Ma Công K trú tại thôn Q, xã A, huyện L bảo K đến mua dê, P nói dối anh K là vừa mua ở hồ thủy điện T về. Đến khoảng 08 giờ ngày 11/03/2018, P dắt 02 con dê trộm cắp được về nhà buộc để ở phía sau nhà mình và gọi điện tiếp cho K đến mua dê, do bận việc anh K nhờ Bàn Tiến C (là bạn làm ăn chung với K) trú tại thôn N, xã A, huyện L, tỉnh Tuyên Quang đến gặp P để mua dê. Anh C đến gặp P tại nhà của P bắt 02 con dê vào lồng sắt cân được 56 kg, trừ đi 04 kg lồng còn 52 kg,

Cương bảo P trừ tiếp cho Cương 01 kg tính thành 51 kg, P nhất trí và thỏa thuận giá với nhau là 55.000 đồng/kg Cương phải trả cho P là 2.800.000 đồng, do không có tiền lẻ nên Cương trả trước cho P 2.500.000 đồng và mang dê về, số tiền còn lại Cương bảo P đến gặp K để lấy. Ngày 12/3/2018, anh C bán 02 con dê đã mua của P cho anh Đinh Xuân Đ trú tại tổ H, thị trấn H, huyện H, sau đó anh Đ đã mổ 02 con dê đem bán. Đến ngày 13/03/2018 P đến gặp K nhận tiếp số tiền 300.000 đồng còn lại. Toàn bộ số tiền bán dê do trộm cắp được P chi tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG nhày 22/03/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, kết luận 02 con dê của ông Sinh do bị can P trộm cắp có giá trị là 3.120.000 đồng *(ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng)*

Cáo trạng số: 05/CT-VKSLB ngày 08/05/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Hoàng Văn P để xét xử về trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phần luận tội Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với Hoàng Văn P theo tội danh đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Hoàng Văn P về tội trộm cắp tài sản. Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i ,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Hoàng Văn P từ 06 đến 09 tháng tù. Hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần thiết, không đề nghị áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại về bồi thường thiệt hại, bị cáo đã bồi thường đủ cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng. Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 02 đoạn dây thừng đã thu giữ của bị cáo. Đối với các đội tượng Ma Công K, Bàn Tiến Cương, Đinh Xuân Đức đã có hành vi mua, bán dê từ bị cáo P trộm cắp, nhưng khi mua, bán không biết tài sản do trộm cắp mà có, do đó không đề nghị xử lý.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn P đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về hình phạt bổ sung, về trách nhiệm bồi thường thiệt hại nhất trí theo quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên

tòa. Về án phí: Do bị cáo là hộ nghèo, vùng kinh tế xã hội khó khăn, dân tộc thiểu số, đề nghị Hội đồng xét xử cho miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Hoàng Văn P, nhất trí theo nội dung, ý kiến của người bào chữa đã đề nghị, không bổ sung thêm nội dung nào khác.

Bị hại La Tài S giữ nguyên nội dung đã khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa. Về bồi thường thiệt hại nhất trí nội dung đã thỏa thuận, đề nghị giữ nguyên. Về hình phạt đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án các ông Ma Công K, Bàn Tiến Cương, Đinh Xuân Đức xác định nội dung việc mua, bán dê là ngay tình, nhất trí nội dung đành giá của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, không có ý kiến gì khác, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng xác định nội dung khai báo đầy đủ, chính xác, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố; của Kiểm sát viên, người bào chữa tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với nhau, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận ngày 10/3/2018, bị cáo Hoàng Văn P đã có hành vi trộm cắp 02 con dê của gia đình ông La Tài S, có trị giá là 3.120.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015.

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, vi phạm pháp luật nhà nước; xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *"người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả", "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng",* "*người phạm tội thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải", "là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, không biết chữ"* theo các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung; nội dung buộc tội, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; nội dung của người bào chữa cho bị cáo, ý kiến của bị cáo, qua xem xét, cân nhắc Hội đồng xét xử thấy rằng: Tài sản bị cáo thực hiện phạm tội, chiếm đoạt giá trị 3.120.000 đồng, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét điều kiện thực tế, không cần thiết buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù giam, quyết định xử phạt tù cho hưởng án treo cũng đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa, cải tạo, giáo dục bị cáo và phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn địa phương.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị cáo trộm cắp tài sản dê của ông La Tài S đem bán không thu hồi được dê, trong giai đoạn điều tra giữa bị cáo và bị hại đã thống nhất thỏa thuận việc bồi thường thiệt hại về tài sản, công truy tìm tài sản số tiền là 5.000.000 đồng; tại phiên tòa giữa bị cáo và người bị hại nhất trí nội dung đã thỏa thuận không có ý kiến gì khác, do đó không phải xem xét thêm, cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo.

[5] Đối với ông Ma Công K, Bàn Tiến C khi thực hiện việc giao dịch mua, bán dê với bị cáo Hoàng Văn P, sau đó đã bán dê cho ông Đinh Xuân Đức, ông Đức là người tiêu thụ sau cùng (mổ dê bán), khi thực hiện việc giao dịch mua bán tài sản trên, các ông K, C, Đ không biết tài sản giao dịch do phạm tội mà có, việc mua bám ngay tình, các bên đã thanh toán xong cho nhau về tiền; tại phiên tòa không có ý kiến gì về phần giao dịch mua bán, tài sản không thu hồi được, giá trị tài sản đã được bị cáo thực hiện bồi thường cho bị hại, do đó không

buộc các bên phải bồi hoàn, hoàn trả lại hoặc tịch thu, truy thu tiền các giao dịch mua, bán đã thực hiện nêu trên.

[6] Tịch thu tiền liên quan đến thực hiện tội phạm: Sau khi thực hiện trộm cắp được 02 con dê bị cáo P đã bán cho ông K, ông C được số tiền 2.800.000 đồng, số tiền này có được do từ thực hiện tội phạm mà có. Trong giai đoạn điều tra bị cáo đã tự nguyện thực hiện bồi thường cho bị hại giá trị tài sản bằng tiền, xét thấy khoản tiền trên có liên quan đến tội phạm nhưng đã được xử lý thực hiện trách nhiệm thường thiệt hại, xét điều kiện thực tế của bị cáo khó khăn nếu thực hiện việc tịch thu (truy thu) với bị cáo sẽ bất lợi cho bị cáo, nên không cần thiết tịch thu khoản tiền trên.

[7] Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, có mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế bị cáo khó khăn, không cần thiết, nên không áp dụng phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng vụ án: Trong giai đoạn điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã thu giữ 02 đoạn dây thừng (01 đoạn dài 3,05 mét; 01 đoạn dài 2,80 mét), xét thấy 02 đoạn dây thừng đã cũ, vật không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Xét nội dung đề nghị miễn tiền án phí của người bào chữa cho bị cáo không phù hợp, không chấp nhận, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 106,135,136, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQHH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn P phạm tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt Hoàng Văn P, 08 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 04 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 21/6/2018. Giao Hoàng Văn P cho Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Tuyên Quang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trường hợp thay đổi nơi cư trú thì

thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm giữa ông La Tài S với Hoàng Văn P. Hoàng Văn P có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông La Tài S số tiền 5.000.000 đồng (Hoàng Văn P đã thực hiện bồi thường xong).

Tịch thu tiêu hủy 02 đoạn dây thừng đã thu giữ *(tình trạng vật chứng tịch thu tiêu hủy theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 19/6/2018 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L và Chi cục Thi hành án dân sự huyện L).*

Hoàng Văn P phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 21/6/2018.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Tuyên QuangQ;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Y
- Bị cáo,bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phúc An Hoành